

Số: 285 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án: “Hoàn thiện hệ thống văn bản
quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2022 – 2025,
định hướng đến năm 2030”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018 – 2022;

Căn cứ Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-BNV ngày 28/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án: “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án: “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát định hướng tại các văn kiện của Đảng, trọng tâm là Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII liên quan trực tiếp đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

2. Đánh giá toàn diện, thực chất về hiện trạng hệ thống quy định của pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác, trong đó làm rõ các bất cập, chồng chéo, vướng mắc trong các quy định; trong thực tiễn áp dụng; dự

báo các mối quan hệ pháp luật cần điều chỉnh trong tầm nhìn dài hạn, từ đó đề xuất để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

3. Xác định rõ, cụ thể các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư thuộc lĩnh vực Nội vụ cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; xác định rõ lộ trình, thời gian xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành các quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, nhằm bảo đảm liên thông, đồng bộ giữa các quy định của Đảng và của pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ, bảo đảm khắc phục cơ bản các quy định còn chồng chéo, vướng mắc, khó khăn khi thực hiện, không khả thi trên thực tế.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật nhằm khắc phục các quy định pháp luật đang chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về tuyển chọn, tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có đức, có tài, có bản lĩnh chính trị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước trong thời kỳ chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, xuyên suốt, phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cấp chính quyền, kết hợp các quy định pháp luật về giám sát, kiểm soát quyền lực trong phân cấp, phân quyền.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về hội, quỹ, phù hợp với các quy định tại Bộ Luật dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, đồng thời khắc phục khó khăn, vướng mắc trong các văn bản quy phạm pháp luật đang áp dụng thực tiễn, phù hợp quy định tại Hiến pháp năm 2013 và nâng cao tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về Thi đua, khen thưởng, bảo đảm khen đúng người, đúng việc, đúng thời điểm, chú trọng khen thưởng cho cá nhân, nông dân, người lao động trực tiếp.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về văn thư, lưu trữ, quản lý các dạng tài liệu lưu trữ, đáp ứng yêu cầu mới về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, góp phần xây dựng, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về thanh niên, dân chủ cơ sở và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Các văn bản Luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ được sửa đổi, bổ sung toàn diện, đồng bộ, bảo đảm tính khả thi và áp dụng có hiệu quả trên thực tiễn.

- Các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành thuộc lĩnh vực Nội vụ không còn tình trạng chồng chéo, vướng mắc, khó khăn khi áp dụng trên thực tiễn, được thực hiện thống nhất, thông suốt, kịp thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành Nội vụ từ trung ương đến địa phương.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

Trên cơ sở bám sát chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, các đơn vị chủ trì đề xuất các nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL, phù hợp thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hợp lý, hợp pháp trong hệ thống pháp luật từ trung ương đến địa phương. (Nhiệm vụ cụ thể thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này).

2. Giải pháp

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi chức năng, quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đến các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các Sở, ban, ngành có liên quan.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của từng cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành Nội vụ về việc áp dụng, thực thi pháp luật. Tăng cường trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành trong việc thực thi pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị khi phát hiện các vấn đề vướng mắc, khó khăn, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, không khả thi khi áp dụng trên thực tiễn đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ.

c) Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ theo hướng thực hiện quy trình chặt chẽ, khoa học, chuyên nghiệp. Tiến hành đánh giá tác động hiệu quả đối với các vấn đề mới, khó; tham vấn các chuyên gia, các nhà khoa học; lấy ý kiến rộng rãi người dân và đối tượng tác động của văn bản QPPL dự kiến xây dựng để ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính minh bạch, khách quan, thống nhất, phù hợp thực tiễn.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực thi pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ, kịp thời phát hiện các văn bản ban hành trái thẩm quyền, sai về nội dung để có các giải pháp xử lý phù hợp. Đổi mới cách thức và nâng cao nội dung về đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản, hướng dẫn chuyên sâu, tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ, tình huống cụ thể.

đ) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, theo dõi, thi hành, kiểm tra văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Ban, Cục, Vụ trực thuộc Bộ Nội vụ

Căn cứ các dữ liệu phân tích về khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh và kiến nghị đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL nêu trong Đề án, có trách nhiệm:

a) Đề xuất xây dựng văn bản QPPL của cơ quan, đơn vị trong Chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của Bộ Nội vụ. Căn cứ điều kiện cụ thể của đơn vị để ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao trong giai đoạn 2022 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

b) Lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm, bảo đảm đầy đủ kinh phí cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

c) Hàng năm có báo cáo Lãnh đạo Bộ về tiến độ, chất lượng xây dựng văn bản QPPL, báo cáo về tính khả thi trong quá trình áp dụng văn bản QPPL của Bộ Nội vụ trên thực tiễn.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thường xuyên rà soát văn bản QPPL, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ ở địa phương. Chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hàng năm của địa phương, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ về ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

b) Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí, bảo đảm nguồn kinh phí hàng năm đối với công tác xây dựng văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ.

c) Hàng năm có báo cáo Bộ Nội vụ về tiến độ, chất lượng xây dựng văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ; báo cáo về tính khả thi trong quá trình áp dụng văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Nội vụ trên thực tiễn.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương, kịp thời phát hiện các sai sót trong ban hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ, có các biện pháp khắc phục, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp.

đ) Đổi mới nội dung, phương pháp và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về tham mưu xây dựng văn bản QPPL tại địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ (để phối hợp);
- UBND, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục

**Nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ
về xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2022 – 2025,
tầm nhìn đến năm 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 285/QĐ-BNV ngày 05 tháng 04 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Tên nhiệm vụ	Thời gian	Cấp trình
Lĩnh vực Tổ chức bộ máy và biên chế			
Đến năm 2025			
1.	Nghiên cứu các nội dung cần thiết để sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Tổ chức Chính phủ.	2022 - 2025	Bộ trưởng Chính phủ
2.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2016/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.	2022	Chính phủ
3.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. (Phối hợp Bộ Tài chính thực hiện).	2025	Chính phủ
Đến năm 2030			
4.	Sửa đổi, bổ sung toàn diện, đồng bộ Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành	2030	Chính phủ
Lĩnh vực Công chức – Công vụ			
Từ năm 2022 - 2025			
5.	Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi). Luật Viên chức (sửa đổi).	2025	Chính phủ Quốc hội
6.	Nghị định về sửa đổi, bổ sung các quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức, viên chức	2022	Chính phủ
7.	Nghị định về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.	2022	Chính phủ
8.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.	2022	Chính phủ
9.	Đề án bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm.	2023	Bộ trưởng
10.	Nghị định về bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo vị trí, việc làm.	2024	Chính phủ

11.	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.	2022	Bộ trưởng
<i>Đến năm 2030</i>			
12.	Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, Công chức (sửa đổi); Luật Viên chức (sửa đổi) bảo đảm toàn diện, đồng bộ.	2025 - 2030	Chính phủ
<i>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</i>			
<i>Từ năm 2022 - 2025</i>			
13.	Nghiên cứu các nội dung cần sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	2022-2025	Bộ trưởng
14.	Nghị định sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định: Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội; Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng.	2022	Chính phủ
15.	Hoàn thiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.	2022	Chính phủ Quốc hội
16.	Sơ kết các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, cơ chế, chính sách đặc thù và đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật, Nghị quyết.	2023	UBTVQH
17.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.	2022	Chính phủ UBTVQH
18.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số	2022	Chính phủ

	34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.		
19.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/CP ngày 16/9/1994 của Chính phủ ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới và mốc địa giới hành chính các cấp.	2023	Chính phủ
20.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.	2023	Bộ trưởng
21.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.	2023	Bộ trưởng
<i>Đến năm 2030</i>			
22.	Sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành.	2025 - 2030	Chính phủ
<i>Lĩnh vực Đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC</i>			
<i>Từ năm 2022 - 2025</i>			
23.	Văn bản hướng dẫn về đền bù chi phí đào tạo liên quan đến đào tạo cán bộ, công chức tại nước ngoài; đền bù kinh phí đào tạo đối với các trường hợp ốm đau, bệnh tật và các trường hợp bất khả kháng khác.	2023	Bộ trưởng
24.	Văn bản hướng dẫn về đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.	2023	Bộ trưởng
<i>Đến năm 2030</i>			
25.	Hoàn thiện đồng bộ, toàn diện các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	2025-2030	Chính phủ

Lĩnh vực Tiền lương			
Từ năm 2022 - 2023			
26.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. <i>(Ngay sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền về xây dựng, hoàn thiện về chế độ tiền lương mới).</i>	Đến 2022-2023	Chính phủ
27.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Đến 2023	Chính phủ
28.	Các Thông tư hướng dẫn về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức. <i>(Ngay sau khi có Nghị định thay thế về chế độ tiền lương mới, tiến hành ban hành 12 Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới gồm: (1) Thông tư hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức; (2) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp theo phân loại đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp; (3) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực đối với cán bộ, công chức, viên chức; (4) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp công tác ở vùng đặc biệt khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức; (5) Thông tư hướng dẫn chế độ nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức; (6) Thông tư hướng dẫn phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức; (7) Thông tư hướng dẫn phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; (8) Thông tư hướng dẫn chế độ phụ cấp theo nghề; (9) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức; (10) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức; (11) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;</i>	Đến 2023	Bộ trưởng

	<i>(12) Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức.</i>		
<i>Đến năm 2030</i>			
29.	Tổng kết việc thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	Từ 2025 - 2030	Chính phủ Quốc hội
<i>Lĩnh vực hội, tổ chức phi Chính phủ</i>			
<i>Từ năm 2022 - 2025</i>			
30.	Nghiên cứu, rà soát Luật hoạt động chữ thập đỏ.	2023	UBTVQH
31.	Luật hoạt động chữ thập đỏ.	2024 - 2025	Chính phủ Quốc hội
32.	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	2022	Chính phủ
33.	Nghị định thay thế Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP.	2022	Chính phủ
34.	Nghị định thay thế Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù và Quyết định số 30/2012/QĐ-CP ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội đặc thù.	Đến 2025	Chính phủ
<i>Lĩnh vực quản lý về Công tác thanh niên</i>			
<i>Từ năm 2022 - 2025</i>			
35.	Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong.	2023	Chính phủ
36.	Nghị định quy định việc giải quyết chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế sau ngày 30/4/1975 trên cơ sở kiến nghị của các địa phương và công dân về việc thanh niên xung phong tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế sau ngày 30/4/1975 chưa được hưởng chế độ, chính sách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và	2024 - 2025	Chính phủ

	sau khi hòa bình lập lại.		
37.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ để khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với quy định về xác định phiên hiệu thanh niên xung phong.	2023	Bộ trưởng
Đến năm 2030			
38.	Hoàn thiện đồng bộ văn bản pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực công tác thanh niên, bảo đảm phù hợp, thống nhất trong hệ thống pháp luật và áp dụng hiệu quả trên thực tiễn.	2025 - 2030	Chính phủ
Lĩnh vực Thanh tra công vụ			
Từ năm 2022 - 2025			
39.	Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nội vụ.	Sau khi có Luật Thanh tra sửa đổi	Chính phủ
40.	Nghị định hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành liên quan lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo Khoản 2 Điều 62 Luật Tín ngưỡng tôn giáo quy định lĩnh vực thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo.	Sau khi có Luật Thanh tra sửa đổi	Chính phủ
41.	Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ Thông tư số 09/2012/TT-BNV ngày 10/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định quy trình, nội dung thanh tra về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.	Sau khi có Luật Thanh tra sửa đổi và Nghị định hướng dẫn thi hành	Bộ trưởng
Lĩnh vực Cải cách hành chính			
Từ năm 2022 - 2025			
42.	Phối hợp với Bộ Tài chính khi có yêu cầu về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể nội dung chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp.	Đến 2025	Chính phủ
Đến năm 2030			
43.	Nghiên cứu tiến hành thể chế hóa các quy định về	Từ 2025	Bộ trưởng

	xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	- 2030	Chính phủ
44.	Nghiên cứu, tiến hành thể chế hóa các quy định về chế độ hợp đồng hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước.	Từ 2025 - 2030	Bộ trưởng Chính phủ
45.	Nghiên cứu tiến hành thể chế hóa các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân.	Từ 2025 - 2030	Bộ trưởng Chính phủ
Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng			
Từ năm 2022 - 2025			
46.	Xây dựng, hoàn thiện trình Quốc hội thông qua Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) theo Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.	2022	Chính phủ Quốc hội
47.	Tham mưu ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).	Từ 2022 - 2025	Bộ trưởng Chính phủ
Đến năm 2030			
48.	Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng và áp dụng hiệu quả trên thực tiễn.	Từ 2025 - 2030	Bộ trưởng Chính phủ
Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo			
Từ năm 2022 - 2025			
49.	Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	2022	Chính phủ
50.	“Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo” sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền.	2022	Chính phủ
51.	Thông tư thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật thanh tra (sửa đổi) và Nghị định số	2023	Bộ trưởng

	90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nội vụ (sửa đổi).		
52.	Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/05/2014 hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo. <i>(Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ tham mưu Lãnh đạo Bộ, kết hợp Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch thực hiện).</i>	2023	Bộ trưởng
53.	Thông tư phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. <i>(Trình Bộ trưởng sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo).</i>	2023	Bộ trưởng
54.	Tổng kết thi hành Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo XHCN trước ngày 01/7/1991 và Chỉ thị số 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà đất liên quan đến tôn giáo để đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và đề xuất hướng giải quyết.	Từ 2022 - 2025	Chính phủ Quốc hội
55.	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, đánh giá vấn đề “hiện tượng tôn giáo mới”, “hoạt động tà đạo” để có quan điểm, chủ trương, biện pháp xử lý thống nhất, tiến tới luật hóa các quy định quản lý hoạt động của các loại hình này cho phù hợp.	Từ 2022 - 2025	Chính phủ Quốc hội
Đến năm 2030			
56.	Nghiên cứu, đề xuất tổng kết thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo để có đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo, kịp thời điều chỉnh các vướng mắc, khó khăn trong áp dụng Luật trên thực tiễn.	2026 - 2030	Bộ trưởng
57.	Hoàn thiện đồng bộ văn bản pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm phù hợp, thống nhất trong hệ thống pháp luật và áp	Từ 2022 - 2025	Chính phủ Quốc hội

	dụng hiệu quả trên thực tiễn.		
Lĩnh vực Văn thư và Lưu trữ Nhà nước			
Từ năm 2022 - 2025			
58.	Luật Lưu trữ (sửa đổi).	2022	Chính phủ Quốc hội
59.	Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (sửa đổi).	2025	Chính phủ
60.	Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đăng ký thi, xét thăng hạng và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ.	2022	Bộ trưởng
61.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức và Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24/10/2011 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	2022	Bộ trưởng
62.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng và Thông tư số 02/2009/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.	2025	Bộ trưởng
63.	Thông tư hướng dẫn chỉnh lý tài liệu lưu trữ giấy.	2025	Bộ trưởng
64.	Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 01/2014/TT-BNV ngày 21/8/2014 của Bộ Nội vụ và xây dựng hướng dẫn thành phần tài liệu, dự án, công trình xây dựng nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử.	2025	Bộ trưởng
65.	Thông tư thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2014/TT-BNV ngày 22/11/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử các cấp.	2025	Bộ trưởng
Đến năm 2030			
66.	Hoàn thiện đồng bộ văn bản pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ, bảo đảm phù hợp, thống nhất trong hệ thống pháp luật và áp dụng hiệu quả trên thực tiễn.	2025 - 2030	Chính phủ Quốc hội
67.	Thông tư thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung Thông tư	2025	

	số 03/2020/TT-BNV ngày 29/4/2010 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế kỹ thuật chỉnh lý tài liệu giấy phù hợp với tình hình thực tiễn.		
68.	Thông tư thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BNV ngày 20/11/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn giao, nhận tài liệu lưu trữ vào lưu trữ lịch sử các cấp.	2027	Bộ trưởng
69.	Sửa đổi Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ về định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.	2028	Bộ trưởng
70.	Thông tư quy định danh mục vị trí việc làm lưu trữ, xây dựng khung năng lực cho vị trí việc làm; quy định nguyên tắc xác định mức định biên lưu trữ trong các cơ quan, tổ chức; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm cho người làm lưu trữ.	2029	Bộ trưởng
71.	Thông tư quy định về việc bố trí kinh phí đầu tư cho các hoạt động lưu trữ.	2030	Bộ trưởng
72.	Ban hành văn bản mới để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.	2030	Chính phủ